

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 6 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông: Ngô Đức Kỳ

Ông: Nguyễn Văn Hành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện CN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018. Về việc *“Tranh chấp ly hôn”* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Kiều Y - Sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Lộ X, xã Phú H, huyện CN, tỉnh CM.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Ng - Sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Lộ X, xã Phú H, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị Kiều Y và anh Trần Văn Ng kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM. Sau khi kết hôn, chị Y và anh Ng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, anh Ng không chăm lo làm ăn để lo cho gia đình. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng chị Y và anh Ng không thể chung sống hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị Trịnh Thị Kiều Y giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn Ng.

- *Về con chung*: Chị Y và anh Ng có với nhau 02 người con chung tên là Trần Ngọc Thúy V, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011 và Trần Gia Hưng, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2016, hiện nay con đang sống chung với chị Y và anh Ng. Sau khi ly hôn chị Y yêu cầu được nuôi 02 người con, yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Chị Y và anh Ng tự thỏa thuận, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Y xác định trong thời gian chung sống chị và anh Ng không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH

[1] Tranh chấp giữa chị Trịnh Thị Kiều Y và anh Trần Văn Ng là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Anh Ng có địa chỉ tại ấp Lộ Xe, xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Y và anh Ng kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, hôn nhân của chị Y và anh Ng là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của chị Y và anh Ng thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng chị Y và anh Ng vẫn không thể chung sống hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Ng. Anh Ng không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì chị Y có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị Y đã được Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập anh Ng hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập anh Ng đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Ng vẫn vắng mặt không lý

do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Ng. Anh Ng không đến Tòa án để hòa giải và tham dự phiên tòa, cho thấy anh Ng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh Ng là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Trần Ngọc Thúy V đã trên 03 tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, anh Ng đã được thông báo về việc chị Y yêu cầu ly hôn với anh và yêu cầu nuôi con chung nhưng anh Ng không có ý kiến và cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu của chị Y. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Y. Giao cháu Trần Ngọc Thúy V, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011 cho chị Y nuôi.

Đối với cháu Trần Gia Hưng, đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Hưng chưa đủ 03 tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Trong vụ án này chị Y yêu cầu được nuôi cháu Hưng, giữa chị Y và anh Ng không có thỏa thuận nào khác nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Gia Hưng cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tại phiên tòa, chị Y yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng/người kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu V và cháu Hưng đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu của chị Y là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Y và anh Ng tự thỏa thuận, chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Y xác định trong thời gian chị và anh Ng chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Ng vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trịnh Thị Kiều Y được ly hôn với anh Trần Văn Ng.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Thúy V, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011 và Trần Gia Hưng, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2016 cho chị Trịnh Thị Kiều Y nuôi, anh Trần Văn Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng)/người. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Trần Ngọc Thúy V và cháu Trần Gia Hưng đủ 18 tuổi.

Buộc anh Trần Văn Ng giao con tên Trần Ngọc Thúy V, sinh ngày 16 tháng 11 năm 2011 và Trần Gia Hưng, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2016 cho chị Trịnh Thị Kiều Y nuôi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chậm cấp dưỡng thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Kiều Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Y có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004205 ngày 05 – 3 – 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN, sau khi đối trừ chị Y nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Trần Văn Ng không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Văn Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CN.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Trịnh Thị Kiều Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Ng có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- Phòng GD-KT TAT;
- Đường sự;
- UBND xã Phú Hưng, huyện CN;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn A Đam

